

KẾ HOẠCH
Xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023

Thực hiện Kết luận số 592-KL/TU ngày 27/02/2023 của Thường trực Tỉnh ủy; Kết luận số 617-KL/TU ngày 13/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Huy động cả hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái tham gia xây dựng nông thôn mới. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025 để đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023 một cách căn cơ, bài bản, thực chất và có hiệu quả, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Yêu cầu

a) Cả hệ thống chính trị vào cuộc, trong đó cấp ủy, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; vận động toàn xã hội tham gia; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, người dân phát huy vai trò chủ thể.

b) Triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp; lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực tại chỗ thực hiện xây dựng nông thôn mới, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

c) Xác định rõ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể; giữa cấp tỉnh với cấp huyện và cấp xã để thống nhất, tháo gỡ vướng mắc (nếu có) và triển khai cùng cố tiêu chí đối với xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao đã được công nhận và các nhiệm vụ, tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Bảo đảm 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới

1.1. Thực trạng các xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Đến hết năm 2022, huyện Yên Bình có 22/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có 18 xã¹ đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí cũ (giai đoạn 2010-2020); 04 xã² đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả rà soát theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cho

¹18 xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2010-2020: Hán Đà, Đại Minh (2016); Mông Sơn, Phú Thịnh, Thịnh Hưng, Bạch Hà, Vĩnh Kiên (2017); Cẩm Ân, Yên Bình, Tân Hương (2019); Xuân Long, Đại Đồng, Vũ Linh (2020); Mỹ Gia, Xuân Lai, Cẩm Nhân, Bảo Ái, Phúc Ninh (2021).

²4 xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Yên Thành, Ngọc Chấn, Phúc An, Tân Nguyên.

thấy, một số xã đã đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí, một số xã chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí cần tập trung củng cố, thực hiện³.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

1.2. Nội dung thực hiện: Để 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí mới năm 2023 cần củng cố các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 đối với 13 xã đã được công nhận.

(1) Xã Bảo Ái, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5- Trường học; Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17 - Môi trường và An toàn thực phẩm (ATTP) (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)).

(2) Xã Cẩm Ân, đã đạt 15/19 tiêu chí, còn lại 4 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5- Trường học, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)).

(3) Xã Mông Sơn, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5- Trường học, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)).

(4) Xã Tân Hương, đã đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 2 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều, Tiêu chí 15 - Y tế (Tiêu chí 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$).

(5) Xã Phú Thịnh, đã đạt 16/19 tiêu chí, còn lại 3 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5 - Trường học, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$).

³Tiêu chí số 1 (Quy hoạch): Có 22/22 xã đạt tiêu chí 1 về quy hoạch (đạt 100%); Tiêu chí 2 (Giao thông): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 3 (Thủy lợi và phòng chống thiên tai): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 4 (Điện): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 5 (Trường học): Có 11/22 xã đạt tiêu chí (đạt 50%); Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): Có 13/22 xã đạt tiêu chí (đạt 59%); Tiêu chí 8 (Thông tin và truyền thông): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư): Có 22/22 xã đạt chuẩn tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 10 (Thu nhập): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 11 (Nghèo đa chiều): Có 14/22 xã đạt tiêu chí (đạt 63,6%); Tiêu chí 12 (Lao động): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn): Có 17/22 xã đạt tiêu chí (đạt 68,1%), nguyên nhân do giai đoạn 2021-2025, tiêu chí 13 bổ sung chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được công nhận VietGAP hoặc tương đương; Tiêu chí 14 (Giáo dục và đào tạo): Có 22/22 xã đạt tiêu chí (đạt 100%); Tiêu chí 15 (Y tế): Có 4/22 xã đạt tiêu chí (đạt 18,1%), nguyên nhân do chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử do Bộ Y tế chưa có hướng dẫn; Tiêu chí 16 (Văn hóa): Có 22/22 xã đạt tiêu chí, bằng 100%; Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm): Có 5/22 xã đạt tiêu chí, bằng 22,7%; nguyên nhân do giai đoạn 2021-2025, tiêu chí 17 bổ sung chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Có 22/22 xã đạt tiêu chí, bằng 100%; Tiêu chí 19 (Quốc phòng và an ninh): Có 22/22 xã đạt tiêu chí, bằng 100%.

($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(6) Xã Vĩnh Kiên, đã đạt 15/19 tiêu chí, còn lại 4 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5 - Trường học, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (02 chỉ tiêu: Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$ và Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(7) Xã Yên Bình, đã đạt 17/19 tiêu chí, còn lại 2 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(8) Xã Vũ Linh, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5- Trường học, Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều, Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (02 chỉ tiêu: Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$ và Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(9) Xã Xuân Lai, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều, Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(10) Xã Cẩm Nhân, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều, Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(11) Xã Phúc Ninh, đã đạt 16/19 tiêu chí, còn lại 3 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(12) Xã Xuân Long, đã đạt 14/19 tiêu chí, còn lại 5 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 5- Trường học, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 - Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ $(\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung).

(13) Xã Phúc An, đã đạt 16/19 tiêu chí, còn lại 3 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 15 - Y tế (chỉ tiêu 15.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$), Tiêu chí 17 -

Môi trường và ATTP (chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)).

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

1.3. Trách nhiệm tham mưu, thực hiện và thời gian hoàn thành

(1) Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Yên Bình, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Yên Bình chịu trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện, hoàn thành chất lượng, hiệu quả các tiêu chí: Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp một cách thực chất, bền vững. Thời gian hoàn thành: Trước 30/9/2023.

(2) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan phối hợp với UBND huyện Yên Bình tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương đầu tư, tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn để thực hiện các công trình. Thời gian hoàn thành: Hoàn thành hồ sơ, thủ tục cho chủ trương đầu tư trước ngày 30/4/2023.

(3) Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Y tế có hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu, ban hành hướng dẫn tạm thời các địa phương thực hiện tiêu chí về Y tế. Thời gian hoàn thành: Trước 30/4/2023.

(4) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn UBND huyện Yên Bình thực hiện bảo đảm chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng từ nước sạch theo quy chuẩn, xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung) đối với những nơi người dân chưa có nhu cầu sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung theo quy định. Thời gian hoàn thành: Trước 30/9/2023.

(5) Các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Hội đồng thẩm định của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc tổ chức thực hiện các tiêu chí do ngành phụ trách.

2. Bảo đảm tiêu chí có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và hoàn thành Kế hoạch tỉnh giao thực hiện năm 2023

2.1. Thực trạng: Đến nay, huyện Yên Bình có 04 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao nhưng cần củng cố để bảo đảm theo bộ tiêu chí mới. Năm 2023 cần củng cố 03 xã Hán Đà, Đại Đồng, Thịnh Hưng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí mới, xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Bạch Hà, Mỹ Gia), 01 xã Đại Minh đạt chuẩn nông thôn chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể:

2.2. Nội dung thực hiện

a) Củng cố 03 xã (Thịnh Hưng, Đại Đồng, Hán Đà) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, trong đó:

(1) Xã Hán Đà, đã đạt 12/19 tiêu chí, còn lại 7 tiêu chí cần tiếp tục củng cố gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 5 - Giáo dục (xây dựng 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ của TH&THCS; 04 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, 01 nhà bếp và hạng mục phụ trợ cho trường Mầm non xã); Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn (còn chỉ tiêu 13.6. Vùng

nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng); Tiêu chí 14 - Y tế (chỉ tiêu: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17- Môi trường (xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài $L=0,1\text{km}$; 02 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác); Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống.

(2) Xã Đại Đồng: Củng cố Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống (xây dựng công trình cấp nước tập trung).

(3) Xã Thịnh Hưng: Củng cố Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống (xây dựng công trình cấp nước tập trung).

b) Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, gồm:

(1) Xã Mỹ Gia, đã đạt 13/19 tiêu chí, còn lại 6 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 5 - Giáo dục (xây dựng Nhà đa năng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Gia); Tiêu chí 10- Thu nhập; Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều; Tiêu chí 14 - Y tế (chỉ tiêu: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17 - Môi trường (xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài $L=0,1\text{ km}$; 02 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác); Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống (*xây dựng mới công trình cấp nước tập trung*).

(2) Xã Bạch Hà, đã đạt 11/19 tiêu chí, còn lại 8 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 5- Giáo dục (xây dựng khối phòng học bộ môn tiểu học; khối phòng hỗ trợ học tập; nhà đa năng; khối phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bạch Hà); Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí 10- Thu nhập; Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí 14 - Y tế (còn chỉ tiêu: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17- Môi trường (xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài $L=0,1\text{ km}$; 02 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác); Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống (*nâng cấp công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn*).

c) Xây dựng xã Đại Minh đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, tập trung hoàn thành 06 tiêu chí: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 5 - Giáo dục (xây dựng 02 phòng học bộ môn, nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ của trường Tiểu học và Trung học cơ sở (điểm chính); 04 phòng học bộ môn (01 phòng học ngoại ngữ; 01 phòng học tin học; 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật; 01 phòng khoa học công nghệ), 03 phòng hỗ trợ học tập (01 thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thông và hoạt động đội), khối phòng hành chính, quản trị, phòng họp, phòng y tế, 01 nhà bếp và các hạng mục phụ trợ khác của của trường Tiểu học và Trung học cơ sở (điểm lẻ); Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí 14 - Y tế (chỉ tiêu: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$); Tiêu chí 17- Môi trường (xây dựng 08 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác); (6) Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống.

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

2.3. Trách nhiệm tham mưu, thực hiện

a) Giao Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Yên Bình, UBND huyện Yên Bình chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn các xã thực hiện, hoàn thành chất lượng, hiệu quả các tiêu chí: Tiêu chí 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 10- Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn (có sản phẩm Viet Gap); Tiêu chí 17 - Môi trường; các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp một cách thực chất, bền vững.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét thẩm định nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư: (1) đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo để công nhận lại trường chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học và Trung học cơ sở và trường Mầm non 04 xã: Hán Đà, Mỹ Gia, Bạch Hà, Đại Minh và sửa chữa, nâng cấp 02 chợ trung tâm xã Bạch Hà và Đại Minh; (2) đầu tư xây dựng mới cho 03 xã: Đại Đồng, Mỹ Gia, Thịnh Hưng; sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công xuất phục vụ công trình cấp nước sạch tập trung của xã Bạch Hà; (3) các nội dung khác có liên quan. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

c) Giao Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Y tế có hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu, ban hành hướng dẫn tạm thời các địa phương thực hiện tiêu chí về y tế. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

2.4. Thời gian hoàn thành: Phần đầu trước 30/10/2023.

3. Xây dựng thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà đạt chuẩn đô thị văn minh

3.1. Thực trạng: Huyện Yên Bình có 02 thị trấn (Yên Bình và Thác Bà) đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đô thị loại V. Sau khi được công nhận là đô thị loại V, Ủy ban nhân dân huyện sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận 02 thị trấn trở thành đô thị văn minh, trong đó cần tập trung đầu tư, hoàn thành các tiêu chí chưa đạt theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Nội dung thực hiện

(1) Thị trấn Thác Bà: Đã đạt 7/9 tiêu chí đô thị văn minh⁴, còn lại 02 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 2 - Giao thông đô thị: Lát vỉa hè khoảng 2 km, lắp đặt hệ thống điều khiển giao thông, đèn tín hiệu, biển chỉ dẫn, đầu tư 2 km đường điện chiếu sáng tuyến đường QL37 qua trung tâm thị trấn; Chỉ tiêu 2.3 Giao thông đô thị⁵, Tiêu chí 3 - Môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm: xây dựng chợ mới tại Tổ 3 (tại khu vực Ao thực phẩm) với diện tích khoảng 2.400 m².

(2) Thị trấn Yên Bình: Đã đạt 7/9 tiêu chí đô thị văn minh⁶ còn lại 02 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí 1 - Quy hoạch đô thị (chỉ tiêu số 2 công trình công cộng xây mới đúng quy hoạch; có kiến trúc hài hòa, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây

⁴ Tiêu chí 1- Quy hoạch đô thị; tiêu chí 4- An ninh, trật tự đô thị; tiêu chí 5- Thông tin, truyền thông đô thị; tiêu chí 6- Việc làm, thu nhập bình quân, hộ nghèo ở đô thị; tiêu chí 8- Y tế, giáo dục đô thị; tiêu chí 9- Hệ thống chính trị và trách nhiệm của chính quyền đô thị.

⁵ Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg yêu cầu hành lang an toàn giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị, không có hiện tượng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè kinh doanh, buôn bán, vi phạm trật tự an toàn giao thông.

⁶ Tiêu chí 3 - Môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm tiêu chí 4- An ninh, trật tự đô thị; tiêu chí 5- Thông tin, truyền thông đô thị; tiêu chí 6- Việc làm, thu nhập bình quân, hộ nghèo ở đô thị; tiêu chí 8- Y tế, giáo dục đô thị; tiêu chí 9- Hệ thống chính trị và trách nhiệm của chính quyền đô thị)

dựng hiện hành), Tiêu chí 2 - Giao thông đô thị: Lát vỉa hè khoảng 2 km tuyến Quốc lộ 70 qua trung tâm thị trấn Yên Bình (giáp với xã Thịnh Hưng); đầu tư tuyến đường Tổ 3 thị trấn Yên Bình đi xã Đại Đồng với tổng chiều dài khoảng 3.600 m, đạt tiêu chuẩn đường cấp V, miền núi, kết cấu áo đường cứng.

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

3.3. Trách nhiệm tham mưu, thực hiện

a) Giao Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Yên Bình, UBND huyện Yên Bình: Đơn đốc xây dựng hoàn thành Trung tâm Văn hóa thể thao trước tháng 6/2023; thực hiện quy trình, thủ tục công nhận 02 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh trong tháng 9/2023.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thẩm định nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống điều khiển giao thông, đèn tín hiệu, biển chỉ dẫn, đầu tư đường điện chiếu sáng, xây dựng chợ mới cho thị trấn Thác Bà; lát vỉa hè, đầu tư tuyến đường Tổ 3 thị trấn Yên Bình đi xã Đại Đồng. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

c) Giao Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch theo dõi, đơn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện bảo đảm tiến độ, yêu cầu của tiêu chí do ngành phụ trách.

3.4. Thời gian hoàn thành: Phân đầu trước 30/9/2023.

4. Thực hiện các tiêu chí của huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025

4.1. Thực trạng: Huyện Yên Bình đã đạt 02/09 tiêu chí, gồm: Tiêu chí 3 - Thủy lợi và Phòng chống thiên, Tiêu chí 6 - Kinh tế, còn 07 tiêu chí chưa đạt cần tập trung thực hiện trong năm 2023

4.2. Các nội dung cần thực hiện:

(1) Tiêu chí 1 - Quy hoạch

- Nội dung thực hiện: (i) Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát điều chỉnh theo quy định: Hiện nay, đồ án quy hoạch vùng huyện đang triển khai bước ký hợp đồng đơn vị tư vấn lập đồ án. (ii) Chỉ tiêu 1.2. xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

- Trách nhiệm thực hiện: Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình theo dõi, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu 1.1 trong tháng 9/2023; hoàn thành chỉ tiêu 1.2 trong tháng 6/2023.

(2) Tiêu chí 2 - Giao thông

a) Nội dung thực hiện: (i) Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy định (100%): Thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Nguyên - Bảo Ái (chiều dài 12 km, chiều rộng 6,5 m, nền đường 3,5 m); (ii) Chỉ tiêu 2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn cấp IV.

b) Trách nhiệm tham mưu

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Nguyên - Bảo Ái đáp ứng tiêu chí

theo quy định. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

- Giao Sở Giao thông vận tải phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình và Công ty Vận tải thủy bộ rà soát, hoàn thiện các hạng mục cần thiết theo quy định để thẩm định, xét Bến xe khách Hương Lý đạt chuẩn loại IV. Thời gian trước ngày 30/9/2023.

(3) Tiêu chí 4 - Điện⁷

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện đầu tư trạm biến áp, sửa chữa, nâng cấp đường dây phục vụ nhu cầu sinh hoạt của các hộ dân tại 08 xã có hệ thống lưới điện chưa bảo đảm, nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng.

b) Trách nhiệm tham mưu: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành thẩm định nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư trạm biến áp, sửa chữa, nâng cấp đường dây phục vụ nhu cầu sinh hoạt của các hộ theo quy định. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

(4) Tiêu chí 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Nội dung thực hiện: (i) Chỉ tiêu 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn: Thực hiện xây dựng công trình Sân vận động trung tâm huyện; (ii) Chỉ tiêu 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Trách nhiệm tham mưu:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành thẩm định nhu cầu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ khởi công công trình Sân vận động trung tâm huyện. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt Cấp độ 1. Thời gian trước ngày 30/9/2023.

(5) Tiêu chí 7 - Môi trường

a) Nội dung thực hiện

(i) Chỉ tiêu 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện: Thực hiện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh; xây dựng thêm 01 lò đốt rác thải tập trung tại xã Cẩm An (hoặc Tân Nguyên) phục vụ nhu cầu xử lý rác thải các xã khu vực dọc Quốc lộ 70 của huyện.

(ii) Chỉ tiêu 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên ≥ 1 mô hình: Xây dựng 01 mô hình tái chế có quy mô liên kết tối thiểu từ 100 hộ sản xuất/ gia đình/ hộ kinh doanh/ hộ chăn nuôi trở lên hoặc

⁷Theo báo cáo của UBND huyện Yên Bình (Văn bản số 747/UBND-NN ngày 21/3/2023); Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thống nhất quan điểm việc đầu tư nâng cấp hệ thống lưới điện là cần thiết, kiến nghị sử dụng nguồn vốn hằng năm của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tuy nhiên, năm 2023 ngành điện đã thực hiện xong kế hoạch vốn đầu tư xây dựng các công trình chống quá tải, không có bổ sung thêm kế hoạch đầu tư.

Ngày 21/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình đã làm việc với Điện lực Yên Bái, về quan điểm Điện lực Yên Bái nhất trí ủng hộ và sẽ báo cáo Tổng công ty Điện lực Miền Bắc xem xét hỗ trợ.

UBND huyện Yên Bình báo cáo, đề nghị UBND tỉnh có văn bản đề nghị Tổng công ty Điện lực Miền Bắc về việc hỗ trợ bổ sung kinh phí đầu tư nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện Yên Bình trong năm 2023 để bảo đảm tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo nội dung đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình.

quy mô về công suất hoạt động tiếp nhận và xử lý từ 5 tấn chất thải trở lên/ngày.

(iii) Chỉ tiêu 7.4. Có công trình xử lý nước thải tập trung áp dụng biện pháp phù hợp: Xây dựng 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Tổ 6, thị trấn Yên Bình với quy mô xử lý từ 200 - 300 m³ nước/ngày.

(iv) Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường.

b) Trách nhiệm tham mưu, thực hiện

- Nội dung 1: (i) Giao UBND huyện Yên Bình chỉ đạo UBND các xã thành lập các tổ tự quản, tổ thu gom, quy hoạch các điểm tập kết, hợp đồng với Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 lò đốt rác thải tại xã Cẩm Nhân và xã Vĩnh Kiên. Thời gian trước ngày 30/9/2023; (ii) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xin chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy xem xét, bổ sung kinh phí hỗ trợ huyện đầu tư xây dựng thêm 01 lò đốt rác thải tập trung tại xã Cẩm An (hoặc Tân Nguyên). Thời gian trước ngày 30/4/2023.

- Nội dung 2: (i) Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương chỉ đạo nghiên cứu hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình thành lập Hợp tác xã tại xã Tân Hương, Tân Nguyên, Bảo Ái để thực hiện. Thời gian trước ngày 30/5/2023; (ii) Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình căn cứ hướng dẫn, rà soát quy mô triển khai thực hiện trong trước tháng 10/2023.

- Nội dung 3: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương thẩm định nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

- Nội dung 4: Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình chỉ đạo UBND các xã rà soát, quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và bố trí kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định. Thời gian trước ngày 30/5/2023.

(6) Tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ dân dùng nước công trình tập trung đạt 12% (hiện đạt 9,3%).

b) Trách nhiệm tham mưu, thực hiện: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thẩm định nhu cầu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện. Thời gian trước ngày 30/4/2023.

(7) Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện Chỉ tiêu 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Chỉ tiêu 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự.

b) Trách nhiệm tham mưu, thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn năm 2023; tăng cường nắm chắc tình hình, chủ động xử lý kịp thời các tình huống phát sinh có nguy cơ mất an ninh, trật tự; đồng thời đẩy mạnh, thực hiện quyết liệt công tác quản lý,

giáo dục cán bộ, đảng viên theo quy định.

- Giao Công an tỉnh chủ trì hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 9.4 Quốc phòng và An ninh để bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện về việc xét tặng danh hiệu Đơn vị tiên tiến trong năm⁸.

(Có Phụ lục số 02 chi tiết kèm theo)

5. Tổ chức lấy phiếu, đánh giá tỷ lệ hài lòng của người dân với kết quả xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023

5.1. Nội dung thực hiện: Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên *(trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên)*

5.2. Trách nhiệm thực hiện: Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Yên Bình tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân theo nội dung yêu cầu đảm bảo khách quan, trung thực.

5.3. Thời gian hoàn thành: Phấn đấu trước ngày 30/9/2023.

6. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới

- Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, thu thập các minh chứng để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận huyện Yên Bình đạt chuẩn NTM ngay từ tháng 6/2023.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình hoàn thiện thủ tục hồ sơ bảo đảm theo quy định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ cấp tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Thời gian hoàn thành: Phấn đấu trước ngày 30/10/2023.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu kinh phí sau khi rà soát thực hiện trong năm 2023: 341.050,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 102.080,0 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 150.238,0 triệu đồng.

- Ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác: 88.732,0 triệu đồng.

2. Kinh phí có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự kiến bổ sung thêm từ nguồn Trung ương: 128.651,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 102.080,0 triệu đồng *(90.330,0 triệu đồng đã trong Kế hoạch đầu tư công và 11.750 từ nguồn Trung ương bổ sung cho tỉnh Yên Bái).*

⁸ Theo yêu cầu chỉ tiêu 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự: Tại mục b, khoản 3 Hướng dẫn số 06/HD-BCA-V05, ngày 29/3/2022 của Bộ Công an và mục b, khoản 6 Hướng dẫn số 1782/HD-CAT-XDPT ngày 10/8/2022 của Công an tỉnh Yên Bái quy định “100% số xã trên địa bàn huyện đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025”. Để đạt tiêu chí này thì 100% tập thể Công an xã, thuộc Công an huyện trong năm đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến trở lên”, nội dung này không thống nhất với quy định về công tác thi đua khen thưởng nêu tại khoản 3, Điều 15, Thông tư số 12/2019/TT-0BCA ngày 29/5/2019 của Bộ Công an: “số lượng đơn vị trực thuộc cơ sở được xét tặng danh hiệu Đơn vị tiên tiến trong năm không quá 80% tổng số đơn vị cơ sở...”.

- Ngân sách tỉnh: 10.748,0 triệu đồng.
- Ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác: 15.823,0 triệu đồng.

3. Kinh phí chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 212.399,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 0 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 139.490,0 triệu đồng.
- Ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác: 72.909,0 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; huy động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Chương trình theo các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra. Công tác chỉ đạo triển khai xây dựng nông thôn mới phải thực hiện đồng bộ, toàn diện đối với tất cả các xã trên địa bàn huyện; đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân; phát huy được vai trò chủ động, sáng tạo cộng đồng và người dân; huy động sự tham gia vào cuộc của các tổ chức, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác trong xây dựng nông thôn mới để từng bước thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo lộ trình kế hoạch đề ra.

- Rà soát, tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Chỉ đạo; tiếp tục nâng cao năng lực của cơ quan giúp việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu chức năng, nhiệm vụ *(nhất là Văn phòng Điều phối cấp huyện; Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã và các Ban Phát triển thôn)*.

2. Công tác tuyên truyền vận động về xây dựng nông thôn mới

- Tăng cường quán triệt, tuyên truyền vận động để cán bộ, đảng viên và người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung tư tưởng chỉ đạo, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Đảng, nhà nước, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, gắn với đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”; “*Yên Bái chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới chính là để phục vụ chính mình. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; tuyên truyền vận động nhân dân trong cộng đồng tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong công tác tuyên truyền sâu rộng về quan điểm, chủ trương, mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ trì cùng các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò nòng cốt trong vận động, tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để nâng cao hơn nữa trách nhiệm về nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, từ đó nêu cao ý thức trách nhiệm, tự giác trong xây dựng nông thôn mới; phát huy tinh thần đoàn kết trong cộng đồng, sự chủ động, sáng tạo của người dân, cách làm hay của chính người dân trong quá trình thực hiện, từ đó huy động tốt sự tham gia đóng góp kinh phí, ngày công lao động trong xây dựng nông thôn mới của cộng đồng dân cư.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động thực hiện các tiêu chí do nhân dân thực hiện không có sự hỗ trợ của nhà nước như: Tham gia đóng góp công lao động, kinh phí để xây dựng, chỉnh trang, mua sắm trang thiết bị của các nhà văn hóa thôn, hỗ trợ xóa nhà dột nát để hoàn thành tiêu chí về nhà ở dân cư; tuyên truyền cho nhân dân trong cộng đồng cùng tham gia thực hiện để hoàn thành tiêu chí về Môi trường an toàn thực phẩm Xây dựng các phóng sự tuyên truyền phản ánh kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của các địa phương, những cách làm sáng tạo, những kinh nghiệm của các địa phương phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân, huy động tốt các nguồn lực, các nguồn vốn ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất phát triển kinh tế nông thôn

Các cấp, các ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM các cấp tập trung chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn để hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp nhằm tăng hiệu quả kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân; khuyến khích hình thành, nhân rộng các mô hình liên kết kinh tế, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật cao vào sản xuất hình thành chuỗi giá trị phù hợp; mỗi xã cần phải xác định được những sản phẩm, ngành nghề chủ lực, thế mạnh của địa phương mình, từ đó có giải pháp và lộ trình cụ thể để tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả theo chuỗi giá trị gắn với hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, góp phần tạo sự chuyển biến trong tư duy và cách thức tổ chức sản xuất mang lại hiệu quả cao cho người dân khu vực nông thôn.

Đặc biệt quan tâm thực hiện sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tạo sinh kế, công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân làm nhiệm vụ trung tâm, cốt lõi, trọng tâm là phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận, tham gia, thụ hưởng các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND tỉnh, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND tỉnh, các chương trình thuộc nguồn vốn sự nghiệp của 3 chương trình MTQG, thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, hiệu quả từ nguồn ngân sách huyện (*nuôi ốc nhồi; trồng dưa hấu, dưa lê dưới Cos hồ Thác Bà; thực hiện mô hình vườn rau kiểu mẫu...*); kết nối, hỗ trợ người lao động chưa có việc làm được tham gia lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ liên kết, thành lập các HTX, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp của địa phương

4. Đẩy mạnh thực hiện chương trình chuyển đổi số

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; y tế; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

5. Xây dựng cơ sở hạ tầng

- Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp và nông thôn.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn phải gắn với hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng. Các công trình kinh tế kỹ thuật đã và đang đầu tư tại địa bàn nông thôn cần giao cho cộng đồng dân cư có chung quyền lợi để quản lý, khai thác; xã hội hoá công tác quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, đồng thời duy trì được chế độ duy tu bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài, không bị xuống cấp.

- Chủ động triển khai các dự án thành phần kịp tiến độ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư; tích cực huy động nguồn lực trong nhân dân và nguồn lực xã hội khác để xây dựng các công trình; lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu khác; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư để thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

6. Đẩy mạnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường

Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; nâng cao chất lượng môi trường sống, lấy sự hài lòng của nhân dân là mục tiêu trong xây dựng nông thôn mới.

7. Huy động nguồn lực đầu tư thực hiện chương trình

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, huy động tối đa nguồn lực của địa phương (huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình.

- Huy động vốn đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế cộng đồng dân cư và người dân tham gia xây dựng nông thôn mới trên tinh thần tự nguyện, bàn bạc dân chủ; không thực hiện huy động quá sức dân.

- Hỗ trợ thủ tục để người dân tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng; tăng các ưu đãi tín dụng; hỗ trợ các nội dung sau vay đảm bảo các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng.

- Hỗ trợ đầu tư nguồn lực từ các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

và các đề án để đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng theo kế hoạch trong giai đoạn; hỗ trợ phát triển sản xuất, ưu tiên hỗ trợ mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của huyện; hỗ trợ, tạo điều kiện trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, mời gọi các doanh nghiệp đầu tư đối với các lĩnh vực có thế mạnh của huyện Yên Bình, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi thủy sản.

- Đối với kinh phí chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 212.399,0 triệu đồng, trong đó:

(i) Ngân sách tỉnh: 139.490,0 triệu đồng: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu, tham mưu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, bổ sung nguồn vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2023 để thực hiện.

(ii) Ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác: 72.909,0 triệu đồng: Giao Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình chủ động rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo hướng giãn, hoãn các dự án chưa thực sự cấp thiết trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn để dành nguồn lực ưu tiên đầu tư các dự án cấp thiết bảo đảm mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Yên Bái phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn NTM trên cơ sở gắn với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Các thành viên Ban chỉ đạo có nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo tiến độ và thời gian đề ra *(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)*.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh)*: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại huyện Yên Bình, đánh giá, tổ chức thực hiện các tiêu chí được giao phụ trách; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (nếu có) cho phù hợp với quy định của trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan: Chủ động rà soát, đánh giá, xây dựng giải pháp thực hiện các tiêu chí được giao phụ trách; phối hợp với huyện Yên Bình thực hiện tốt các tiêu chí nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong năm 2023; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

4. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Yên Bình, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình: Xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, triển khai toàn diện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tập thể, cá nhân để hướng dẫn, chỉ

đạo, đơn đốc thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã; chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án, ưu tiên bố trí nguồn lực đối với các xã theo lộ trình về đích năm 2023; Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng các giải pháp cụ thể, hiệu quả để hỗ trợ các hộ trên địa bàn thoát nghèo, thoát cận nghèo đảm bảo thực chất, bền vững nhằm thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều; định kỳ hằng tháng, hằng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tình hình, tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới của địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh tham gia giám sát, phản biện việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tích cực vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hăng hái tham gia thực hiện Chương trình; cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023. Các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Yên Bái; các sở, ban, ngành của tỉnh; Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời gửi Văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Chánh, PCVP (NLN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh;
- Lưu: VT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 01:

KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch) số ~~100~~ /KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Yên Bái)

[illegible]

20	Yên Thành	2022	19	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	Phúc An	2022	18	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	
22	Tân Nguyên	2022	19	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
Tổng số			350	22	22	22	22	11	22	13	22	22	22	14	22	17	22	4	22	5	22	22

PHỤ LỤC 02: CÁC TIÊU CHÍ CẦN THỰC HIỆN ĐỂ HUYỆN YÊN BÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

Thực hiện theo Kế hoạch số 100 /KH-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Yên Bái)

STT	Tên xã	Tiêu chí cần đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
I. Củng cố các tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 cho 13 xã đã được công nhận								
1	Bảo Ái	5	TC:5, 7, 11, 15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	Xây mới: 03 phòng học, 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác để Trường TH Bảo Ái (phân hiệu Ngòi Bang) được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ Bảo Ái	UBND huyện	Sở Công Thương	T9/2023
				Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 17,7%, phấn đấu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 125 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng: 07 hộ; - Đề xuất hỗ trợ chuyển đổi nghề để mua sắm công cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các nghề khác: 30 hộ; - Đề xuất hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (hỗ trợ tex nước): 19 hộ; Đề nghị hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách: 79 hộ - NQ 69 và các chính sách khác: Đăng ký 03 mô hình chăn nuôi trâu, bò quy mô 10 con; Và 01 mô hình nuôi lợn nái sinh sản quy mô 15 con trở lên.	UBND huyện	Sở Lao động -TB và XH	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Bảo Ái	5	TC: 5, 7, 11, 15, 17	Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước tập trung xã Bảo Ái	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
				Tiêu chí 2- Giao thông: Tiêu chí đã đạt tuy nhiên tiếp tục đề nghị được đầu tư để nâng cao chất lượng tiêu chí	Đường giao thông thôn Ngòi Nhầu đi trung tâm xã Bảo Ái: Đường BTXM: Bm=3,5m; Bn=5m L=800m Đường giao thông thôn Ngòi Ngần đi trung tâm xã Bảo Ái: Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m	UBND huyện	Sở Giao thông Vận tải	T9/2023
2	Cầm Ân	4	TC: 5, 7, 15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	- Xây mới: 04 phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ khác để Trường TH&THCS Cầm Ân được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023. - Xây mới: 02 phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em và các hạng mục phụ trợ để Trường MN Cầm Ân được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023.	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Sửa chữa đình chợ, lán chợ, các hạng mục phụ trợ chợ xã Cầm Ân	UBND huyện	Sở Công Thương	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dân	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
2	Cầm Ân	4	TC: 5, 7, 15,17	Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Cầm Ân	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
3	Mông Sơn	5	TC: 5, 7, 13,15,17	Tiêu chí 5 - Trường học	- Xây mới: 02 phòng học, 02 phòng học bộ môn, nhà đa năng, và các hạng mục phụ trợ để Trường TH&THCS Mông Sơn (Điểm chính) được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023. - Xây mới: Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ để Trường TH&THCS Mông Sơn (Phân hiệu tiểu học) được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023.	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ Mông Sơn	UBND huyện	Sở Công Thương	T9/2023
				Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm Thanh Long, diện tích 2 ha được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
3	Mông Sơn	5	TC: 5, 7, 13,15,17	Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xã đề xuất không xây dựng công trình nước sạch tập trung do người dân không có nhu cầu, để đảm bảo tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch, tuyên truyền vận động các hộ gia đình sử dụng các nguồn nước đảm bảo như giếng khoan, giếng đào, máy lọc nước gia đình.	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
4	Tân Hương	2	TC: 11,15	Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Hiện hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 23,4%, phần đầu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 130 hộ nghèo, 67 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ công cụ phát triển sản xuất cho 30 hộ nghèo, cận nghèo máy cắt cỏ, hỗ trợ con giống cho 20 hộ; Hỗ trợ cây giống cho 30 hộ; Hỗ trợ tẻ nước sinh hoạt Đối với chương trình phát triển dân tộc miền núi: Hỗ trợ nhà ở 8 hộ (Nhà chưa đạt chuẩn so với tiêu chí Bộ xây dựng); Đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách cho 69 hộ.	UBND huyện	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
5	Phú Thịnh	3	TC: 5, 15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	Xây mới: 01 phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ để Trường TH&THCS Phú Thịnh (Khu THCS) được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Phú Thịnh	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
6	Vĩnh Kiên	4	TC: 5, 7, 15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	- Xây dựng mới 04 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, 01 phòng làm quen ngoại ngữ, tin học; Khối phòng hành chính, quản trị gồm các phòng: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng kế toán, phòng nhân viên và các hạng mục phụ trợ để Trường mầm non xã Vĩnh Kiên đạt trường chuẩn quốc gia MĐ1 - Xây mới: 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng, khối phòng hỗ trợ học tập; khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ để Trường TH&THCS Vĩnh Kiên được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
6	Vĩnh Kiên	4	TC: 5,7, 15, 17	Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Sửa chữa đình chợ, lán chợ, các hạng mục phụ trợ chợ xã Vĩnh Kiên	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$	Theo số liệu của Bảo Hiểm đến ngày 29/12/2022, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế áp dụng cho cả nam và nữ (tỷ lệ bao phủ bao gồm ngoại huyện) xã đạt 89%. Năm 2023 xã Vĩnh Kiên cần phấn đấu trên 2% (121 người) để đạt yêu cầu của tiêu chí $\geq 90\%$	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Vĩnh Kiên	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dân	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
7	Yên Bình	2	TC: 15,17	Chi tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chi tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xã đề xuất không xây dựng công trình nước sạch tập trung do không có nguồn nước và người dân không có nhu cầu xây dựng công trình, để đảm bảo tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch, tuyên truyền vận động các hộ gia đình sử dụng các nguồn nước đảm bảo như giếng khoan, giếng đào, máy lọc nước gia đình.	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
8	Vũ Linh	5	TC: 5, 11,13,15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	- Xây mới: 04 phòng học bộ môn; Nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị và các phòng phụ trợ; khối phòng hỗ trợ học tập; các hạng mục phụ trợ khác để Trường TH&THCS Vũ Linh được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023; Trường có quy mô lớn trên 1.000 học sinh; CSVC xuống cấp. - Xây mới: 02 phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, 01 nhà bếp; Kê chống sạt lở, tường rào, công trường và các hạng mục phụ trợ khác để Trường MN Vũ Linh được công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023; Thiếu 02 phòng học so với quy mô	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
8	Vũ Linh	5	TC: 5, 11, 13, 15, 17	Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 14,3%, phấn đấu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 65 hộ nghèo, 05 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho 10 hộ nghèo tham gia mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản thuộc dự án đa dạng hoá sinh kế; Đề xuất hỗ trợ cho 10 hộ nghèo về cung cụ, phương tiện sản xuất. Đối với chương trình MTQG xây dựng NTM: Đề xuất hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (hỗ trợ tex nước): 10 hộ; Đề nghị hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách: 43 hộ Đối với chương trình phát triển dân tộc miền núi: đề nghị hỗ trợ cho 01 hộ nghèo làm nhà ở.	UBND huyện	Sở Lao động, thương binh và xã hội	T9/2023
				Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm bưởi, diện tích 2 ha được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$	Theo số liệu của Bảo Hiểm đến ngày 29/12/2022, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế áp dụng cho cả nam và nữ (tỷ lệ bao phủ bao gồm ngoại huyện) xã đạt 85%. Năm 2023 xã cần phấn đấu trên 5% (290 người) để đạt yêu cầu của tiêu chí $\geq 90\%$	UBND huyện	Bảo hiểm xã hội huyện; Các cơ quan liên quan	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
8	Vũ Linh	5	TC: 5, 11,13,15, 17	Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Vũ Linh	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
9	Xuân Lai	5	TC: 7, 11, 13, 15, 17	Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ xã Xuân Lai	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023
				Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 18,6%, phấn đấu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 52 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đề xuất hỗ trợ cho 30 hộ nghèo tham gia mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản thuộc dự án đa dạng hoá sinh kế; Hỗ trợ phát triển mô hình chăn nuôi 10 hộ; Các tổ chức chính trị xã hội giúp đỡ hộ thoát nghèo cho 12 hộ	UBND huyện	Sở Lao động - TB và XH	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
9	Xuân Lai	5	TC: 7, 11, 13, 15, 17	Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm Gà thịt, số lượng 2000 con được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$	Theo số liệu của Bảo Hiểm đến ngày 29/12/2022, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế áp dụng cho cả nam và nữ (tỷ lệ bao phủ bao gồm ngoại huyện) xã đạt 88%. Năm 2023 xã cần phấn đấu trên 3% (100người) để đạt yêu cầu của tiêu chí $\geq 90\%$	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Xuân Lai	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
10	Cầm Nhân	5	TC: 7, 11, 13, 15,17	Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ xã Cầm Nhân	UBND huyện	Sở Công Thương	T9/2023
				Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 23,7%, phấn đấu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 135 hộ nghèo, 120 hộ cận nghèo). Giải pháp: - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho 50 hộ nghèo tham gia mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản 50 hộ tham gia mô hình chăn nuôi lợn nái, đẻ sinh sản; 35 hộ hỗ trợ trồng rừng, trồng măng tre bất độ - Đối với chương trình MTQG xây dựng NTM: 10 hộ hỗ trợ nhà ở - Đối với chương trình phát triển dân tộc miền núi: 50 hộ hỗ trợ mua xăng, 50 hộ hỗ trợ máy phát có	UBND huyện	Sở Lao động, thương binh và xã hội	T9/2023
				Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm Thanh Long, diện tích 2 ha được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
10	Cẩm Nhân	5	TC: 7, 11, 13, 15, 17	Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Mỹ Gia, Cẩm Nhân cung cấp cho 781 hộ dân xã	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Tiêu chí 2- Giao thông: Tiêu chí đã đạt tuy nhiên tiếp tục đề nghị được đầu tư để nâng cao chất lượng tiêu chí	Đường giao thông Thôn Quyết Thắng 2 đi trung tâm xã Cẩm Nhân: Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m Đường giao thông Thôn Quyết Thắng 1 đi trung tâm xã Cẩm Nhân: Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m	UBND huyện	Sở Giao thông Vận tải	T9/2023
11	Phúc Ninh	3	TC: 11, 15, 17	Tiêu chí 11 - Nghèo đa chiều	Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã có tỷ lệ là 17,5%, phấn đấu đến hết năm 2023 xã đạt dưới 13% (giảm 20 hộ nghèo, 05 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ vay vốn cho 10 hộ tham gia trồng và phát triển rừng keo; hỗ trợ máy nông cụ, máy phát cỏ : 12 hộ. Dự án của chương trình MTQG nông thôn mới, CTMTQG giảm nghèo, hỗ trợ nhà ở: 3 hộ.	UBND huyện	Phòng Lao động, TB và XH	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
11	Phúc Ninh	3	TC: 11, 15, 17	Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Phúc Ninh	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
12	Xuân Long	5	TC 5, 7, 13, 15, 17	Tiêu chí 5 - Trường học	Xây mới: 07 phòng học, 01 phòng học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường TH&THCS Xuân Long (Điểm chính).	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Nâng cấp cải tạo, đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ xã Xuân Long	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023
				Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm Cam Vinh, diện tích 1,28 ha được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
12	Xuân Long	5	TC 5, 7, 13, 15, 17	Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Xuân Long	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Tiêu chí 2- Giao thông: Tiêu chí đã đạt tuy nhiên tiếp tục đề nghị được đầu tư để nâng cao chất lượng tiêu chí	Thực hiện kiên cố hóa đường giao thông thôn Nà Ta đi Trung tâm xã Xuân Long (800m), đường thôn Tiền Phong đi Trung tâm xã Xuân Long (đoạn 1: 800m)	UBND huyện	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Phòng Tài chính - Kế hoạch	T9/2023
13	Phúc An	3	TC: 13,15, 17	Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm Dưa hấu, diện tích 2 ha được cấp chứng nhận VietGAP	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
13	Phúc An	3	TC: 13,15, 17	Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã không thuộc khu vực III $\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung xã Phúc An	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT huyện	T9/2023
				Tiêu chí 2- Giao thông: Tiêu chí đã đạt tuy nhiên tiếp tục đề nghị được đầu tư để nâng cao chất lượng tiêu chí	Đường giao thông thôn Làng Cại đi trung tâm xã Phúc An: Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=1000m	UBND huyện	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Phòng Tài chính - KH;	T9/2023
II. Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Bạch Hà, Mỹ Gia)								
1	Mỹ Gia	7	TC: 1, 5, 10, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 1- Quy hoạch	Triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết khu Trung tâm xã Mỹ Gia, dự kiến 25-30 ha; Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc trên cơ sở đồ án chi tiết khu trung tâm xã được phê duyệt và địa bàn toàn xã	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 5 - Giáo dục	Xây mới Nhà đa năng Trường TH&THCS Mỹ Gia	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Mỹ Gia	7	TC: 1, 5, 10, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 10- Thu nhập	Tổ chức điều tra thu nhập trên địa bàn xã	UBND huyện	Cục Thống kê tỉnh	T9/2023
				Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều	Xã Mỹ Gia hiện tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 23,2%, phần đầu năm 2023 giảm dưới 8% (giảm 30 hộ nghèo và 25 hộ cận nghèo). Giải pháp: - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng: 03 hộ; - Đề xuất hỗ trợ chuyển đổi nghề để mua sắm công cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các nghề khác: 30 hộ; - Đề nghị hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách: 21 hộ - NQ 69 và các chính sách khác: Đăng ký 01 mô hình chăn nuôi trâu, bò quy mô 10 con.	UBND huyện	Sở Lao động, thương binh và xã hội	T9/2023
				Tiêu chí 14 - Y tế	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sở khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Tiêu chí 17 - Môi trường	Xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài L= 0,1km; xây dựng 02 công biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
2	Bạch Hà	7	TC: 1, 5, 7, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 1- Quy hoạch	Triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết khu Trung tâm xã Bạch Hà, dự kiến 25-30 ha; Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc trên cơ sở đồ án chi tiết khu trung tâm xã được phê duyệt và địa bàn toàn xã	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 5 - Giáo dục	Xây mới 04 phòng học bộ môn; Nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị và các phòng phụ trợ; khối phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục phụ trợ khác Trường TH&THCS Bạch Hà	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Nâng cấp cải tạo, đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ chợ xã Bạch Hà	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023
				Tiêu chí 10- Thu nhập	Tổ chức điều tra thu nhập trên địa bàn xã	UBND huyện	Cục Thống kê tỉnh	T9/2023
				Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều	Xã Bạch Hà hiện tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 16,5%, phần đầu năm 2023 giảm dưới 8% (giảm 72 hộ nghèo và 22 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho 55 hộ nghèo tham gia mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản thuộc dự án đa dạng hoá sinh kế; Đề xuất hỗ trợ cho 20 hộ nghèo về cung cụ, phương tiện sản xuất. Đề nghị hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách: 5 hộ Đối với chương trình phát triển dân tộc miền núi: đề nghị hỗ trợ cho 01 hộ nghèo làm nhà ở Đối với mô hình chăn nuôi lợn nái: 14 hộ	UBND huyện	Sở Lao động, thương binh và xã hội	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
2	Bạch Hà	7	TC: 1, 5, 7, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 14 - Y tế	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Tiêu chí 17 - Môi trường	Xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài L= 0,1km; xây dựng 02 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Bạch Hà	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
III. Cũng cố 03 xã (Thịnh Hưng, Đại Đồng, Hán Đà) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025								
1	Hán Đà	7	TC: 1, 5, 7, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 1- Quy hoạch	Triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết khu Trung tâm xã Hán Đà, dự kiến 25-30 ha; Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc trên cơ sở đồ án chi tiết khu trung tâm xã được phê duyệt và địa bàn toàn xã	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 5 - Giáo dục	- Xây mới: 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ để Trường TH&THCS Hán Đà được Xã nông thôn mới kiểu mẫu 2024, Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023, chấm điểm tiêu chí giáo dục 2023 - Xây dựng mới 04 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, 01 nhà bếp và hạng mục phụ trợ cho trường Mầm non xã Hán Đà xã nông thôn mới kiểu mẫu 2024, Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023, chấm điểm tiêu chí giáo dục 2023	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Hán Đà	7	TC: 1, 5, 7, 11, 14, 17, 18	Tiêu chí 11- Nghèo đa chiều	Xã Hán Đà hiện tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 8,7%, phần đầu năm 2023 giảm còn 6,7% (giảm 16 hộ nghèo và 10 hộ cận nghèo). Giải pháp: Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Đề xuất hỗ trợ cho 05 hộ nghèo tham gia mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản thuộc dự án đa dạng hoá sinh kế; Đề xuất hỗ trợ cho 05 hộ nghèo về cung cụ, phương tiện sản xuất. Đối với chương trình MTQG xây dựng NTM: Đề xuất hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (hỗ trợ tex nước): 05 hộ; Đề nghị hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách: 10 hộ Đối với chương trình phát triển dân tộc miền núi: đề nghị hỗ trợ cho 01 hộ nghèo làm nhà ở.	UBND huyện	Sở Lao động, thương binh và xã hội	T9/2023
				Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn	Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng: Xã Hán Đà thực hiện quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap đối với 02 ha chè để cấp chứng nhận theo quy định	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT;	T9/2023
				Tiêu chí 14 - Y tế	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Tiêu chí 17 - Môi trường	Xây dựng đường vào 01 nghĩa trang với chiều dài L= 0,1km; xây dựng 02 cổng biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xã đề xuất không xây dựng công trình nước sạch tập trung do người dân không có nhu cầu, để đảm bảo tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch, tuyên truyền vận động các hộ gia đình sử dụng các nguồn nước đảm bảo như giếng khoan, giếng đào, máy lọc nước gia đình.	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
2	Đại Đồng	1	18	Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Đại Đồng	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
3	Thịnh Hưng	1	18	Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Đại Đồng	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
IV. Xây dựng xã Đại Minh đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải tập trung củng cố 6 tiêu chí đối với xã nông thôn mới nâng cao								
1	Đại Minh	6	TC: 1, 5, 7, 14, 17, 18	Tiêu chí 1- Quy hoạch	Triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết khu Trung tâm xã dự kiến 25-30 ha; Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc trên cơ sở đồ án chi tiết khu trung tâm xã được phê duyệt và địa bàn toàn xã	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 5 - Giáo dục	- Xây mới: 02 phòng học bộ môn, nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ Trường TH&THCS Đại Minh (phân hiệu THCS) - Xây dựng mới 04 phòng học bộ môn. Khối phòng hành chính, quản trị gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng kế toán, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thường trực bảo vệ, kho; Khối phụ trợ gồm: Phòng họp, phòng y tế; 01 nhà bếp và các hạng mục phụ trợ khác Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đại Minh (Điểm trường chính)	UBND huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023
				Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Sửa chữa đình chợ, lán chợ, hệ thống điện, nước, vệ sinh, xử lý rác và các hạng mục thiết yếu khác	UBND huyện	Sở Công Thương	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Đại Minh	6	TC: 1, 5, 7, 14, 17, 18	Tiêu chí 14 - Y tế	Hiện nay Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện Sổ khám chữa bệnh điện tử. Giao Sở Y tế có văn bản đề nghị Bộ Y tế sớm có hướng dẫn để triển khai thực hiện hoặc có hướng dẫn tạm thời để các xã triển khai thực hiện	UBND huyện	Sở Y tế	T9/2023
				Tiêu chí 17 - Môi trường	Xây dựng 08 công biển nghĩa trang, và các hạng mục thiết yếu khác	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023
				Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống	Xã đề xuất không xây dựng công trình nước sạch tập trung do người dân không có nhu cầu, để đảm bảo tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch, tuyên truyền vận động các hộ gia đình sử dụng các nguồn nước đảm bảo như giếng khoan, giếng đào, máy lọc nước gia đình.	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
V. Tập trung xây dựng 02 thị trấn Yên Bình và Thị trấn Thác Bà đạt đô thị văn minh								
1	Thị trấn Thác Bà	2	TC: 2, 3	Tiêu chí 2 - Giao thông đô thị	Lát vỉa hè khoảng 2km, lắp đặt hệ thống điều khiển giao thông, đèn tín hiệu, biển chỉ dẫn, đầu tư 2km đường điện chiếu sáng tuyến đường QL37 qua trung tâm thị trấn	UBND huyện	Sở Giao thông Vận tải	T9/2023
				Tiêu chí 3 - Môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm	Hiện tại chợ của thị trấn do dân tự phát buôn bán theo đường trục chính của thị trấn không bảo đảm môi trường, an toàn, kiến nghị xây dựng chợ mới tại tổ 3 (tại khu vực Ao thực phẩm)	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
2	Thị trấn Yên Bình	2	TC: 1, 2	Tiêu chí 1 - Quy hoạch đô thị	Hiện nay thị trấn đang đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao đảm bảo theo quy hoạch chung đã được phê duyệt và được thiết kế đảm bảo về kiến trúc và các quy chuẩn hiện hành, dự kiến hoàn thành quý II/2023	UBND huyện	Sở Xây dựng	Q2/2023
				Tiêu chí 2 - Giao thông đô thị	Lát vỉa hè khoảng 2km tuyến QL70 qua trung tâm thị trấn Yên Bình (giáp với xã Thịnh Hưng); đầu tư tuyến đường Tổ 3 thị trấn Yên Bình đi xã Đại Đồng với tổng chiều dài khoảng 3.600m, đạt tiêu chuẩn đường cấp V, miền núi, kết cấu áo đường cứng	UBND huyện	Sở Giao thông Vận tải	T9/2023
VI. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên);						UBMTTQ Việt Nam huyện	Các đơn vị có Liên quan	T9/2023
VII. Hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025								
1	Huyện Yên Bình	7	TC: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9	Tiêu chí 1 - Quy hoạch	- Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát điều chỉnh theo quy định: Hiện nay đồ án quy hoạch vùng huyện đang triển khai bước ký hợp đồng đơn vị tư vấn lập đồ án, dự kiến phê duyệt trong tháng 9/2023 - Chỉ tiêu 1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt: Công trình Trung tâm văn hoá - thể thao huyện Yên Bình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉnh dự án, dự kiến hoàn thành trong quý II/2023	UBND huyện	Sở Xây dựng	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Huyện Yên Bình	7	TC: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9	Tiêu chí 2 - Giao thông	- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy định (100%): Kiến nghị tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đầu tư sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Nguyên - Bảo Ái (chiều dài 12km, chiều rộng 6,5m, nền đường 3,5m) đáp ứng tiêu chí theo quy định - Chỉ tiêu 2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn cấp IV: Bến xe khách Hương Lý, huyện Yên Bình được công nhận đạt tiêu chuẩn cấp V, hoạt động từ năm 2018; để được công nhận đạt tiêu chuẩn cấp IV cần đầu tư thêm phòng y tế, phòng chờ cho khách, khu vực làm việc	UBND huyện	Sở Giao thông Vận tải	T9/2023
				Tiêu chí 4 - Điện	Cơ bản hệ thống điện liên xã của huyện đã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, tuy nhiên còn một số điểm chưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. Kiến nghị tỉnh xem xét, bố trí kinh phí đầu tư trạm biến áp, sửa chữa, nâng cấp đường dây phục vụ nhu cầu sinh hoạt của các hộ dân tại 10 xã có hệ thống lưới điện chưa bảo đảm, nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng	UBND huyện	Sở Công thương	T9/2023
				Tiêu chí 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục	- Chỉ tiêu 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn: xây dựng công trình Sân vận động trung tâm huyện. - Chỉ tiêu 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Hiện nay, huyện đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt Cấp độ 1, dự kiến hoàn thành tiêu chí trong quý III/2023	UBND huyện	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Sở Giáo dục và Đào tạo	T9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Huyện Yên Bình	7	TC: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9	Tiêu chí 7 - Môi trường	Chỉ tiêu 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh: Hiện nay chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 94%, ở nông thôn tỷ lệ đạt trên 30%. Huyện sẽ tiếp tục chỉ đạo các xã thành lập các tổ tự quản, tổ thu gom, quy hoạch các điểm tập kết, hợp đồng với Ban quản lý dự án và Đầu tư xây dựng huyện thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 lò đốt rác thải tại xã Cẩm Nhân và xã Vĩnh Kiên	UBND huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	T9/2023
					Chỉ tiêu 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên ≥ 1 mô hình: Trên địa bàn huyện các hộ gia đình đã triển khai thực hiện kỹ thuật tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp tuy nhiên mới chỉ thực hiện theo hộ gia đình chưa đạt quy mô yêu cầu, qua đó cần thu hút doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn hoặc thành lập Hợp tác xã tại xã Tân Hương, Tân Nguyên, Bảo Ái để thực hiện	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023
					Chỉ tiêu 7.4. Có công trình xử lý nước thải tập trung áp dụng biện pháp phù hợp: xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Yên Bình	UBND huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	T9/2023
					Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường:	UBND huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	T9/2023
				Tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường	Tỷ lệ hộ dân dùng nước công trình tập trung đạt 12% (hiện đạt 9,9%). Trên cơ sở thực hiện việc củng cố, nâng cao các tiêu chí cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới (đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung cho 17 xã) theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 thì tiêu chí này sẽ bảo đảm theo quy định.	UBND huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	T9/2023

PHỤ LỤC 03: NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN HOÀN THÀNH CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI HUYỆN YÊN BÌNH ĐỀ NGHỊ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2023



Phụ lục Kế hoạch số 10 /KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	 Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác						
										CT MTQG NTM	CT MTQG DTTS								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				341.050	102.080	150.238	88.732	128.651	102.080	69.970	32.110	10.748	15.823	212.399		139.490	72.909	
I	Tiêu chí số 1, chỉ tiêu 1.3: Quy hoạch				1.800	0	0	1.800							1.800			1.800	
1	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Mỹ Gia	Tiêu chí số 1, chỉ tiêu 1.3: Quy hoạch		Lập đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Mỹ Gia, dự kiến từ 25-30 ha	450			450							450			450	
2	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Bạch Hà	Tiêu chí số 1, chỉ tiêu 1.3: Quy hoạch		Lập đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Bạch Hà, dự kiến từ 25-30 ha	450			450							450			450	
3	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Đại Minh	Tiêu chí số 1, chỉ tiêu 1.3: Quy hoạch		Lập đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Bạch Hà, dự kiến từ 25-30 ha	450			450							450			450	
4	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Hán Đà	Tiêu chí số 1, chỉ tiêu 1.3: Quy hoạch		Lập đồ án quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Mỹ Gia, dự kiến từ 25-30 ha	450			450							450			450	
II	Tiêu chí số 2: Giao thông				59.500	31.025	17.698	10.778	39.501	31.025	18.200	12.825	3.698	4.778	20.000		14.000	6.000	
1	Đường giao thông thôn Ngòi Nhàu đi trung tâm xã Bảo Ái	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3,5m; Bn=5m L=800m	1.750	1.663		87	1.750	1.663		1.663		87					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
2	Đường giao thông thôn Ngòi Ngán đi trung tâm xã Bảo Ái	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m	1.750	1.663		87	1.750	1.663		1.663		87					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
3	Đường giao thông Thôn Quyết Thắng 2 đi trung tâm xã Cẩm Nhân	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m	1.750	1.662		88	1.750	1.662		1.662		88					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
4	Đường giao thông Thôn Quyết Thắng 1 đi trung tâm xã Cẩm Nhân	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=700m	1.750	1.662		88	1.750	1.662		1.662		88					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
5	Đường giao thông thôn Làng Cai đi trung tâm xã Phúc An	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=1000m	2.500	2.375		126	2.501	2.375		2.375		126					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
6	Đường giao thông thôn Nà Ta đi trung tâm xã Xuân Long	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=800m	2.000	1.900		100	2.000	1.900		1.900		100					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)
7	Đường giao thông thôn Tiên Phong đi trung tâm xã Xuân Long (đoạn 1)	Tiêu chí số 2: Giao thông	Hiện trạng đường đất	Đường BTXM: Bm=3-3,5m; Bn=5m L=800m	2.000	1.900		100	2.000	1.900		1.900		100					Công trình có trong danh mục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc CTMTQG năm 2023 (tại văn bản số 693/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác			
										CT MTQG NTM	CT MTQG DTS									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
8	Đường tổ 3 thị trấn Yên Bình đi Đại Đồng	Tiêu chí 2 giao thông đô thị. Từng bước nâng cao cơ sở hạ tầng, bảo đảm cảnh quan kiến trúc đô thị; đáp ứng tiêu chí xây dựng huyện NTM	Hiện trạng, đây là tuyến đường đất, đã có nền cơ bản Bn = (3-3,5)m, chưa có hệ thống rãnh và công trình thoát nước.	Nâng cấp tuyến đường với tổng chiều dài khoảng L = 3.600m, Bm=3,5m, Bn=5,5m, mặt đường BTXM	20.000		14.000	6.000							20.000		14.000	6.000		
9	Đường liên xã Tân Nguyên - Bảo Ái	Tiêu chí 2 giao thông	Hiện trạng, đây là tuyến đường đất, đã có nền cơ bản Bn = (3-3,5)m, chưa có hệ thống rãnh và công trình thoát nước.	Xây dựng tuyến đường với chiều dài khoảng 12km; chiều rộng nền đường Bn=6,5; Chiều rộng mặt đường Bm=3,5m; kết cấu áo đường cứng; hệ thống công trình thoát nước và các hạng mục phụ trợ	26.000	18.200	3.698	4.102	26.000	18.200	18.200		3.698	4.102					Danh mục đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Để nghị điều chỉnh giám TMBT	
III	Tiêu chí số 5: Giáo dục, công nhận lại trường chuẩn quốc gia				122.500	28.785	64.540	29.175	30.300	28.785	28.785		-	-	1.515	92.200	-	64.540	27.660	
1	Trường TH&THCS Mông Sơn (Điểm chính)	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 02 phòng học, 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	3.000		2.100	900							3.000	0	2.100	900		
2	Trường TH&THCS Mông Sơn (Phân hiệu tiểu học)	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: Nhà đa năng;Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ	7.000		4.900	2.100							7.000	0	4.900	2.100		
3	Trường TH&THCS Phú Thịnh (Khu THCS)	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 01 phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ	8.800		6.160	2.640							8.800	0	6.160	2.640		
4	Trường mầm non xã Vĩnh Kiên	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây dựng mới 02 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; 01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, 01 phòng làm quen ngoại ngữ, tin học; Khối phòng hành chính, quản trị gồm các phòng: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng kế toán, phòng nhân viên và các hạng mục phụ trợ	7.800	7.410		390	7.800	7.410	7.410			390						
5	Trường TH&THCS Vĩnh Kiên	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng, khối phòng hỗ trợ học tập; khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ	9.800		6.860	2.940							9.800	0	6.860	2.940		
6	Trường TH&THCS Cẩm Ân	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 04 phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ khác	7.000		4.900	2.100							7.000	0	4.900	2.100		
7	Trường MN Cẩm Ân	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 03 phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em 01 phòng GD thể chất -nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ	4.800		3.360	1.440							4.800	0	3.360	1.440		
8	Trường TH&THCS Vũ Linh	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023; Trường có quy mô lớn trên 1.000 học sinh; CSVC xuống xấp	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 04 phòng học bộ môn; Nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị và các phòng phụ trợ; khối phòng hỗ trợ học tập; các hạng mục phụ trợ khác	9.500		6.650	2.850							9.500	0	6.650	2.850		
9	Trường MN Vũ Linh	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023; Thiếu 02 phòng học so với quy mô	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 02 phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, 01 nhà bếp; Kê chống sạt lở, tường rào, cổng trường và các hạng mục phụ trợ khác	4.500		3.150	1.350							4.500	0	3.150	1.350		
10	Trường TH Bảo Ái (phân hiệu Ngòi Bang)	Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 03 phòng học, 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác	4.500		3.150	1.350							4.500	0	3.150	1.350		
11	Trường TH&THCS Xuân Long (Điểm chính)	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 08 phòng học, 01 phòng học bộ môn, 01 phòngthiết bị; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	5.500		3.850	1.650							5.500	0	3.850	1.650		

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		
										CT MTQG NTM	CT MTQG DTTS								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
12	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Xuân Long (Phân hiệu Tiểu học)	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây dựng mới 02 phòng học; 04 phòng học bộ môn (01 phòng học ngoại ngữ; 01 phòng học tin học; 01 phòng âm nhạc, mỹ thuật; 01 phòng khoa học, công nghệ); 01 phòng thiết bị. Khối phòng hành chính - quản trị và các hạng mục phụ trợ	9.000	8.550		450	9.000	8.550	8.550			450					
13	Trường TH&THCS Mỹ Gia	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ; Mở rộng diện tích đất 1000 m2	4.000		2.800	1.200							4.000	0	2.800	1.200	
14	Trường TH&THCS Bạch Hà	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới 04 phòng học bộ môn; Nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị và các phòng phụ trợ; khối phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục phụ trợ khác	9.000		6.300	2.700							9.000	0	6.300	2.700	
15	Trường TH&THCS Đại Minh (phân hiệu THCS)	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 02 phòng học bộ môn, nhà đa năng; Khối phòng hành chính quản trị, và các hạng mục phụ trợ	6.500		4.550	1.950							6.500	0	4.550	1.950	
16	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đại Minh (Điểm trường chính)	Tiêu chí số 5: Giáo dục	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây dựng mới 04 phòng học bộ môn. Khối phòng hành chính, quản trị gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng kế toán, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thường trực bảo vệ, kho; Khối phụ trợ gồm: Phòng họp, phòng y tế; 01 nhà bếp và các hạng mục phụ trợ khác	7.500	7.125		375	7.500	7.125	7.125			375	0	0	0	0	0
17	Trường TH&THCS Hán Đà	Xã nông thôn mới kiểu mẫu 2024, Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023, chấm điểm tiêu chí giáo dục 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây mới: 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng, khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ	8.300		5.810	2.490							8.300	0	5.810	2.490	
18	Trường mầm non xã Hán Đà	Xã nông thôn mới kiểu mẫu 2024, Công nhận lại trường chuẩn QG năm 2023, chấm điểm tiêu chí giáo dục 2023	Chưa đảm bảo cơ sở hạ tầng để đánh giá lại trường chuẩn QG	Xây dựng mới 02 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (cải tạo nâng tầng từ nhà 01 tầng lên 02 tầng) diện tích xây dựng khoảng 300m2 ; Xây mới nhà cấp III, 02 tầng diện tích xây dựng khoảng 250m2, diện tích sân khoảng 500m2 (01 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, 01 phòng tin học; Khối phòng hành chính, quản trị; khối phòng phụ trợ); xây mới 01 nhà bếp diện tích khoảng 90m2 và các hạng mục phụ trợ	6.000	5.700		300	6.000	5.700	5.700			300	0	0	0	0	0
IV	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				31.100	9.785	12.480	8.835	10.300	9.785	760	9.025	0	515	20.800	0	12.480	8.320	
1	Nâng cấp chợ Móng Sơn	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình xây dựng đã lâu với quy mô đơn giản nay đã xuống cấp các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư không đáp ứng nhu cầu sử dụng	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ, điện, nước, lò đốt rác, nhà vệ sinh nam nữ riêng biệt và các hạng mục phụ trợ khác.	1.500		900	600							1.500	0	900	600	
2	Nâng cấp chợ Vĩnh Kiên	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Vị trí Chợ tiếp giáp với cầu Thác Ông cũ (phí đầu xã Vĩnh Kiên, không phải chợ trung tâm xã đnag liên quan đến bản án của Tòa các cấp). Công trình xây dựng đã lâu với quy mô đơn giản nay đã xuống cấp các hạng mục phụ trợ chưa được đầu tư không đáp ứng nhu cầu sử dụng cũng như tiêu chí NTM	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ, điện, nước, lò đốt rác, nhà vệ sinh nam nữ riêng biệt và các hạng mục phụ trợ khác.	1.500		900	600							1.500	0	900	600	

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		
										CT MTQG NTM	CT MTQG DTTS								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Xây dựng chợ Cẩm Ân	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình xây dựng đã lâu với quy mô đơn giản nay đã xuống cấp; các hạng mục phụ trợ không đáp ứng nhu cầu sử dụng cũng như tiêu chí NTM. Đề nghị xây dựng mới Chợ ở 1 vị trí khác	Sxd chợ khoảng 3000m2. Xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ	7.000		4.200	2.800							7.000	0	4.200	2.800	
4	Nâng cấp chợ Bảo Ái	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình chợ trung tâm xã chưa đảm bảo đạt TC cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: lán tạm cột bê tông lợp mái cỏ, nền đất, chưa có đình chợ, hệ thống điện nước và các hạng phụ. Năm 2021 chấm tiêu chí NTM trên cơ sở hệ thống cửa hàng tiện ích.	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ	3.000	2.850		150	3.000	2.850		2.850		150					Danh mục đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Điều chỉnh tăng TMBT
5	Nâng cấp chợ Xuân Lai	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình xây dựng đã lâu với quy mô đơn giản, chưa có đình chợ; một số lán chợ đã bị hư hỏng phần mái. Hệ thống điện chưa đảm bảo	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ	1.500	1.425		75	1.500	1.425		1.425		75	0	0	0	0	
6	Xây dựng chợ xã Cẩm Nhân	Hoàn thành mục tiêu nâng cấp đô thị loại V và xây dựng huyện nông thôn mới	Hiện nay Chợ Trung tâm xã chưa được đầu tư kiên cố; cũng với đó vị trí chợ quá hẹp không đáp ứng được tiêu chí chợ đô thị loại V, do vậy đề nghị xây dựng chợ tại vị trí khác	Xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ	3.500	3.325		175	3.500	3.325		3.325		175		0	0		Danh mục đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Đề nghị tăng TMBT
5	Chợ xã Xuân Long	Tiêu chí số7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Hiện nay Chợ đã được xây dựng các hạng mục công trình kiên cố; tuy nhiên, sau thời gian đưa vào sử dụng, đến nay phần mái của đình chợ và lán chợ bị dột, đặc biệt là các gian ki ốt bán hàng hư hỏng phần mái rất nhiều; hệ thống điện phần đình chợ chưa có, điện phần lán chợ đã bị hỏng	Sửa chữa đình chợ, lán chợ, hệ thống điện, nước, vệ sinh, xử lý rác và các hạng mục thiết yếu khác	800	760		40	800	760	760		40	0	0	0	0		
8	Nâng cấp chợ Bạch Hà	Tiêu chí số7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Hiện nay Chợ đã được xây dựng các hạng mục công trình kiên cố; tuy nhiên, sau thời gian đưa vào sử dụng đến nay phần mái của đình chợ và lán chợ bị dột, hệ thống điện đã bị hỏng	Nâng cấp cải tạo, xây dựng đình chợ, lán chợ và các hạng mục phụ trợ	1.500	1.425		75	1.500	1.425		1.425		75	0	0	0	0	
9	Chợ xã Đại Minh	Tiêu chí số7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình xây dựng năm 2019 nay một số hạng mục đã xuống cấp như: mái phần lán chợ bị hư hỏng; hệ thống điện đã hỏng, hệ thống đường nội bộ bị hỏng do ngập nước và bị rũng; chưa có lò xử lý rác; hệ thống máy bơm nước và các thiết bị nhà vệ sinh đã bị hư hỏng	Sửa chữa đình chợ, lán chợ, hệ thống điện, nước, vệ sinh, xử lý rác và các hạng mục thiết yếu khác	800		480	320							800	0	480	320	

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Trong đó		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
											CT MTQG NTM	CT MTQG DTTS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
10	Chợ thị trấn Thác Bà	Tiêu chí đô đạt chuẩn đô thị văn minh, đáp ứng tiêu chí huyện NTM (có 100% số xã thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh - mục 3 theo QDD của TTg)	Có chợ xếp tại vị trí đầu cầu Thác ông cũ, không có đình chợ, lân chợ mà có khoảng 30 hộ dân kinh doanh hàng ngày bán các loại thực phẩm tươi sống dọc 2 bên hành lang đường. Do vậy, theo nhu cầu nguyện vọng của người dân đề nghị xây dựng chợ mới tại ao thực phẩm cũ thuộc KHu 2 thị trấn Thác Bà	Sxd chợ khoảng 3000m2. Đền bù GPMB, xây dựng Khu tái định cư + các hạng mục phụ trợ	10.000		6.000	4.000							10.000	0	6.000	4.000	
V	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống				62.950	17.623	26.370	18.687	18.550	17.623	7.363	10.260	0	927	44.400	0	26.640	17.760	
1	Cấp nước sạch tập trung xã Phú Thịnh	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Xã đã có hệ thống đường ống nước sạch của nhà máy nước đi qua xã cung cấp cho khu công nghiệp phía nam. Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10%).	Đầu nối vào đường ống nước sạch đã có sẵn đi qua địa bàn xã với 9 km đường ống chính cung cấp cho 200 hộ	2.400		1.440	960							2.400		1.440	960	
2	Cấp nước sạch tập trung xã Vĩnh Kiên	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát nguồn nước lấy từ hồ Thác Bà tại thôn Làng Ma. Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 170 hộ).	PA1: Xây dựng mới công trình cấp nước, cấp cho 170 hộ; đường ống chính dài 3,0km PA2: Xây dựng đường ống dẫn nước từ công trình cấp nước sạch từ TT Thác Bà 4 km.	3.600		2.160	1.440							3.600		2.160	1.440	
3	Cấp nước sạch tập trung xã Cẩm Ân	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Đã tổ chức khảo sát lấy nguồn nước mặt từ thôn Tân Tiến. Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 90 hộ).	Xây dựng mới 01 công trình cấp nước tập trung của xã, khoảng 3 km cung cấp cho khoảng 150 hộ	3.000		1.800	1.200							3.000		1.800	1.200	
4	Sửa chữa công trình nước sạch tập trung thôn Ngòi Vồ xã Tân Hương	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Năm 2022, công trình nước sạch Khuôn Giò xã Tân Hương được ghi danh mục sửa chữa trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh (CT MTQG NTM), tuy nhiên xã đề nghị đổi chuyển địa điểm xây dựng từ thôn Khuôn Giò sang thôn Ngòi Vồ. Xã đã có 03 công trình cấp nước sạch tập trung cung cấp cho 126 hộ đạt 5,7%	Sửa chữa bể thu nước, bể lọc, bể chứa. Thay thế sửa chữa khoảng 2,500m đường ống chính, khoảng 4500m đường ống nhánh; sửa chữa thay thế hệ thống trụ, vòi và các hạng mục phụ trợ khác	1.250	1.188		62	1.250	1.188	1.188			62					CT: Sửa chữa công trình nước sạch Khuôn Giò xã Tân Hương có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh (CT MTQG NTM), đề nghị đổi chuyển địa điểm xây dựng
5	Cấp nước sạch tập trung xã Tân Hương	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Đã tổ chức khảo sát lấy nguồn nước mặt từ thôn. Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông cao (≥35%). Xã đã có 03 công trình cấp nước sạch tập trung cung cấp cho 126 hộ đạt 5,7%	sửa chữa tại thôn khuôn giò chuyển sang thôn Ngòi vồ	3.200		1.920	1.280							3.200		1.920	1.280	
6	Cấp nước sạch tập trung xã Vũ Linh	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát nguồn nước lấy từ hồ Thác Bà . Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 150 hộ).	Xây dựng mới công trình cấp nước, cấp cho 150 hộ; đường ống chính dài 3,5km	3.200		1.920	1.280							3.200		1.920	1.280	

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác							
										Ngân sách TW	CT MTQG NTM				CT MTQG DTTS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
7	Cấp nước sạch sinh hoạt tập trung xã Bảo Ái	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Năm 2008, xã được tổ chức Bánh mỳ thế giới đầu tư công trình nước sạch thôn Đất Lụa, tuy nhiên đến nay đã hỏng, không sử dụng được. Nguồn nước tại đây đảm bảo để xây dựng công trình cấp nước tập trung của xã. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10%).	Đầu tư công trình nước tập trung tại thôn Đất Lụa: Xây dựng mới 01 cửa thu đầu mối; Khu xử lý gồm Bể lọc, lắng; Đường ống chính; đường ống phụ; Hệ thống trụ vòi và các hạng mục phụ trợ khác	4.600		2.760	1.840							4.600			2.760	1.840	
8	Cấp nước sạch tập trung xã Phúc Ninh	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát công trình sử dụng nguồn nước từ hồ Thác Bà. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 35 hộ).	Xây dựng mới công trình cấp nước, cấp cho 100 hộ; đường ống chính dài 2,0km	2.200		1.320	880							2.200			1.320	880	
9	Cấp nước sạch tập trung xã Xuân Lai	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát nguồn nước lấy từ công trình thủy lợi Hồ Gốc Nhội. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 80 hộ).	Xây dựng mới công trình cấp nước, cấp cho 200 hộ; đường ống chính dài 3,0km	3.000	2.850		150	3.000	2.850		2.850		150		0	0			Chưa có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND. Xin bổ sung
10	Cấp nước sạch tập xã Cẩm Nhân	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát công trình sử dụng nguồn nước từ công trình thủy lợi hồ Khe Hoài. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10%=240 hộ).	Xây dựng mới công trình cấp nước thôn Khe Hoài, cấp cho 400 hộ; đường ống chính dài 3,5km	4.800		2.880	1.920							4.800			2.880	1.920	Xã có 02 công trình cấp nước tập trung (01 công trình suối mây bị hỏng không sửa chữa được), trong thời gian tới tiếp tục kiến nghị nâng cấp thành công trình nước sạch đô thị (dự kiến 2024 xã Cẩm Nhân được công nhận là đô thị loại IV)
11	Cấp nước sạch tập trung xã Phúc An	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát công trình sử dụng nguồn nước từ hồ Thác Bà. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nông thôn mới (≥10% = 85 hộ). Hiện nay xã Phúc An đã có 3 công trình nước sạch tập trung đã bị hỏng	Sửa chữa cải tạo công trình nước sạch tập trung Đồng Tý cấp cho 200 hộ (thôn Đồng Tý và khu trung tâm xã), đường ống chính 3 km	2.200	2.090		110	2.200	2.090		2.090		110		0	0			Danh mục CT cấp nước sinh hoạt thôn Đồng Tý xã Phúc An đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Đề nghị đổi tên và tăng TMBT
12	Cấp nước sạch sinh hoạt tập trung xã Xuân Long	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát công trình sử dụng nguồn nước từ hồ Thác Bà. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nâng cao (≥35% = 360 hộ). Xã Xuân Long có 02 công trình cấp nước tập trung bị hỏng, nguồn tự chảy hiện nay không cung cấp đủ nước.	Xây dựng mới công trình cấp nước, cấp cho 250 hộ; đường ống chính dài 3,0km (còn lại 80 hộ đã được cung cấp từ công trình cấp nước tập trung Vàng Cỏ đang được đầu tư)	5.600	5.320		280	5.600	5.320		5.320		280		0	0			Danh mục CT cấp nước sinh hoạt thôn Nà Ta xã Xuân Long đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Đề nghị đổi tên và tăng TMBT
13	Cấp nước sạch tập xã Mỹ Gia	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát nguồn nước lấy từ hồ Thác Bà. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nâng cao (≥35% = 140 hộ).	Xây dựng mới công trình cấp nước tại thôn Đồng Tâm, cấp cho 140 hộ; đường ống chính dài 3,5km	3.500	3.325		175	3.500	3.325	3.325			175	0	0	0			Xã 01 công trình Đèo Ngang đầu tư từ năm 2007, hiện đang bị hỏng, không có nguồn nước cung cấp cho công trình.
14	Cấp nước sạch tập trung xã Bạch Hà	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát chỉ có nguồn nước mặt ở thôn Ngọn Ngòi. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nâng cao (≥35% = 360 hộ). Xã hiện có 01 công trình cấp nước khu di dân thôn Ngọn Ngòi phục vụ cho 51 hộ dân đạt 5%	Nâng công suất từ công trình cấp nước tập trung thôn Ngọn Ngòi đã có sẵn cấp thêm cho hơn 360 hộ	3.000	2.850		150	3.000	2.850	2.850			150			0			
15	Cấp nước sạch tập trung xã Đại Đồng	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Qua khảo sát công trình sử dụng nguồn nước mặt từ thôn Đá Chông. Để xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã nâng cao (≥35% = 320 hộ).	Xây dựng công trình cấp nước tập trung tại thôn Đá Chông cung cấp cho 330 hộ dân	6.600		3.690	2.640							6.600			3.960	2.640	

Page 6

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Trong đó		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	
											CT MTQG NTM	CT MTQG DTTS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
16	Cấp nước sạch tập trung xã Thịnh Hưng	Tiêu chí số 18, chỉ tiêu 18.1: Chất lượng môi trường sống	Xã đã có hệ thống nước sạch của nhà máy nước cấp đến khu công nghiệp nhà máy may thôn Miếu Hạ. Đề xã đạt chỉ tiêu về nước sạch đối với xã năng cao (≥35%=400 hộ).	Đầu nối từ đường ống chính dài khoảng 4.000m; đường ống phụ chiều dài khoảng 2.000m; Hệ thống trụ vòi và các hạng mục phụ trợ khác cung cấp cho 400 hộ	4.800		2.880	1.920							4.800		2.880	1.920	
17	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Tiêu chí 7 Môi trường: Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	Chưa được đầu tư	Xây mới trạm xử lý công suất 250m3/ngày đêm tại tổ 6 thị trấn Yên Bình	6.000		3.600	2.400							6.000		3.600	2.400	
V	Hạ tầng kỹ thuật đô thị văn minh, huyện nông thôn mới				53.200	14.862	21.882	16.456	30.000	14.862	14.862	0	7.050	8.088	23.200	0	14.832	8.368	
1	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông thị trấn Thác Bà	Tiêu chí số 2.2	Trên địa bàn thị trấn Thác Bà chưa có Hệ thống đèn tín hiệu giao thông	Xây dựng hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên trục đường chính trung tâm thị trấn	1.200		720	480							1.200		720	480	
2	Lát hành lang vỉa hè thị trấn Thác Bà	Tiêu chí số 2.1	Trên địa bàn thị trấn Thác Bà chưa có đoạn tuyến giao thông trục chính nào được lát hành lang vỉa hè	Lát vỉa hè quy mô dự kiến khoảng 2km	3.500		2.450	1.050							3.500	0	2.450	1.050	
3	Đường điện thị trấn Thác Bà	Tiêu chí 2,6	Trên địa bàn thị trấn Thác Bà đã được đầu tư khoảng 50% (2,3km/5,6km tuyến QL37) tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng, chưa đảm bảo theo tiêu chí tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 90% trở lên. Do đó, cần phải đầu tư xây dựng thêm hệ thống điện chiếu sáng	Đầu tư xây dựng 2km đường điện chiếu sáng tuyến đường QL37 qua trung tâm thị trấn	6.000		2.912	3.088							6.000		2.912	3.088	
4	Lát hành lang tuyến QL70 qua trung tâm thị trấn Yên Bình (đoạn giáp với địa giới hành chính xã Thịnh Hưng)	Tiêu chí 2 giao thông đô thị. Từng bước nâng cao cơ sở hạ tầng, bảo đảm cảnh quan kiến trúc đô thị; đáp ứng tiêu chí xây dựng huyện NTM	Đoạn tuyến chưa được lát vỉa hè, không đảm bảo cảnh quan kiến trúc đô thị	Lát vỉa hè khoảng 2km	3.500		2.450	1.050							3.500		2.450	1.050	
5	Sân vận động TT huyện	Tiêu chí 5 văn hóa	Giai đoạn I: Đã được san tạo mặt bằng, còn thiếu toàn bộ hạ tầng kỹ thuật	Đầu tư khán đài, đường chạy, trồng cỏ mặt sân, hàng rào các hạng mục phụ trợ	30.000	14.862	7.050	8.088	30.000	14.862	14.862		7.050	8.088	0				Danh mục đã có trong Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh. Đề nghị tăng TMBT
6	Xây dựng lò đốt rác tập trung khu vực đường 7 huyện Yên Bình	Tiêu chí 7 Môi trường: Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp		Xây dựng, lắp đặt 01 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất khoảng 15 tấn/ngày đêm; định hướng mở rộng, nâng công suất đáp ứng khả năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2030 ước khoảng 25-30 tấn/ngày đêm; xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xử lý môi trường và các hạng mục phụ trợ	9.000		6.300	2.700							9.000	0	6.300	2.700	
VI	Nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn				10.000		7.000	3.000							10.000	0	7.000	3.000	
5.1	Xã Mông Sơn	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp ĐZ 0,4kV từ cột TBA Mông Sơn 1 đến cột 1.27	767,7		537,4	230,3							767,7		537,4	230,3	
5.2	Xã Cẩm Ân	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Tân Phong và Thôn Tân Lập	1.208,3		833,2	375,1							1.208,3		833,2	375,1	
5.3	Xã Tân Hương	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Khe May	713,1		499,2	213,9							713,1		499,2	213,9	

TT	Tên công trình	Tiêu chí/sự cần thiết đầu tư	Hiện trạng	Quy mô công trình	Tổng mức đầu tư				Đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí vốn						Chưa có trong trung hạn				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác			
																	Ngân sách TW	Trong đó	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5.4	Xã Bảo Ai	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Ngòi Ngần, Ngòi Ngủ, Đất Lụa, Ngòi Bang	1.981,0		1.386,7	594,3							1.981,0		1.386,7	594,3	
5.5	Xã Cẩm Nhân	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Tích Chung	919,4		643,6	275,8							919,4		643,6	275,8	
5.6	Xã Mỹ Gia	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Phú Mỹ	695,1		486,6	208,5							695,1		486,6	208,5	
5.7	Xã Thịnh Hưng	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Hòn và thôn Hợp Thịnh	2.140,6		1.498,4	642,2							2.140,6		1.498,4	642,2	
5.8	Xã Tân Nguyên	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống điện lưới trên địa bàn		Nâng cấp, cải tạo mới trạm biến áp thôn Đồng Ké, Tân Thành, Khe cọ	1.574,8		1.114,9	459,9							1.574,8		1.114,9	459,9	



PHỤ LỤC SỐ 04:

HỘI ĐỒNG CÔNG NHIỆM VỤ PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NTM

(Kèm theo Kế hoạch số 100 /KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
I	HUYỆN YÊN BÌNH			
1	Tiêu chí Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã (Xuân Long, Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà, Đại Minh)	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Tháng 9/2023
2	Tiêu chí Giao thông (Bảo Ái, Cẩm Nhân, Phúc An)		Sở Giao thông	Tháng 9/2023
	Tiêu chí giao thông của huyện NTM			Tháng 9/2023
3	Tiêu chí điện của huyện NTM		Sở Công thương	Tháng 9/2023
4	Tiêu chí Trường học của xã NTM (Bảo Ái, Cẩm Ân, Mông Sơn, Phú Thịnh, Vĩnh Kiên, Vũ Linh, Xuân Long). Tiêu chí Giáo dục của xã NTM nâng cao (Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà, Đại Minh)		Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 9/2023
	Tiêu chí giáo dục của huyện NTM (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục)			Tháng 9/2023
5	Tiêu chí văn hóa của huyện NTM (Trung tâm Văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn)	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng 9/2023
6	Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Bảo Ái, Cẩm Ân, Mông Sơn, Vĩnh Kiên, Xuân Lai, Cẩm Nhân, Xuân Long, Bạch Hà, Đại Minh)		Sở Công thương	Tháng 9/2023
7	Tiêu chí thu nhập (Mỹ Gia, Bạch Hà)		Cục Thống kê	Tháng 9/2023
8	Tiêu chí Nghèo đa chiều (Bảo Ái, Tân Hương, Vũ Linh, Xuân Lai, Cẩm Nhân, Phúc Ninh, Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà)		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Tháng 8/2023
9	Tiêu chí Tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn (Mông Sơn, Vũ Linh, Xuân Lai, Cẩm Nhân, Hán Đà, Đại Minh)		Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2023

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
10	Tiêu chí Y tế (Bảo Ái, Cẩm Ân, Mông Sơn, Tân Hương, Phú Thịnh, Vĩnh Kiên, Yên Bình, Vũ Linh, Xuân Lai, Cẩm Nhân, Phúc Ninh, Xuân Long, Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà)	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Y tế	Tháng 9/2023
11	Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm đối với xã NTM (Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: Bảo Ái, Cẩm Ân, Mông Sơn, Phú Thịnh, Vĩnh Kiên, Yên Bình, Vũ Linh, Xuân Lai, Phúc Ninh, Phúc An, Xuân Long). Tiêu chí chất lượng môi trường sống đối với xã nâng cao (Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà, Đại Đồng, Thịnh Hưng, Đại Minh)		Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2023
	Tiêu chí Môi trường (Xây dựng đường vào nghĩa trang, cổng biển nghĩa trang và các hạng mục khác: (Mỹ Gia, Bạch Hà, Hán Đà, Đại Minh)		Sở Xây dựng	Tháng 9/2023
	Tiêu chí Môi trường của huyện NTM		Sở TN và MT; Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2023
	Tiêu chí chất lượng môi trường của huyện NTM		Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 9/2023
12	Công nhận 2 thị trấn đạt đô thị văn minh		Sở VH, Thể thao và DL	T9/2023
II	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
1	Thẩm định nhu cầu vốn xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn NTM, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, hỗ trợ kinh phí thực hiện	Đồng chí Trần Huy Tuấn - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 4/2023
2	Hoàn thành hồ sơ, thủ tục trình HĐND tỉnh thông qua đối với các danh mục đề xuất mới theo quy định			T4/2023
3	Tham mưu phân bổ vốn triển khai thực hiện các tiêu chí cần nguồn lực của Trung ương, của tỉnh hỗ trợ		Các sở, ban, ngành	Tháng 4/2023

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
III	SỞ XÂY DỰNG			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện nội dung liên quan đến quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình xây dựng đường vào nghĩa trang, công viên nghĩa trang và các hạng mục khác	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
3	Đôn đốc, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định phê duyệt quy hoạch vùng huyện Yên Bình		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
4	Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn huyện Yên Bình		Huyện Yên Bình	Tháng 6/2023
5	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
III	SỞ GIAO THÔNG			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện hoàn thành tiêu chí giao thông theo quy định huyện đạt chuẩn NTM	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình và Công ty vận tải thủy bộ rà soát, hoàn thiện các hạng mục cần thiết theo quy định để thẩm định, xét Bến xe khách Hương Lý đạt chuẩn loại IV		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
3	Thẩm định tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
IV	SỞ CÔNG THƯƠNG			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí điện, chợ theo quy định huyện đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Thẩm định tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
V	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí giáo dục, trường học	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
VI	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí văn hóa, tiêu chí công nhận 02 thị trấn đạt đô thị văn minh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
VII	CỤC THỐNG KÊ			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí thu nhập	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
VIII	SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện và thẩm định, thẩm tra tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều theo quy định	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí 12 về Lao động, chỉ tiêu 18.5 Đảm bảo bình đẳng giới		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
3	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí 12 về Lao động, chỉ tiêu 18.5 Đảm bảo bình đẳng giới theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
IX	SỞ Y TẾ			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí y tế	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - UV BCH Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Tham mưu báo cáo Bộ Y tế có hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu ban hành hướng dẫn tạm thời các địa phương thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		Các sở, ban, ngành	Tháng 4/2023
3	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
X	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT			
1	Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ huyện Yên Bình thực hiện tiêu chí tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (cấp mã vùng trồng, cấp chứng chỉ VietGap, FSC), chỉ tiêu hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung; ...	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
2	Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình thành lập Hợp tác xã tại xã Tân Hương, Tân Nguyên, Bảo Ái để thực hiện hoặc giới thiệu thu hút 01 doanh nghiệp đầu tư triển khai thực hiện.		Huyện Yên Bình	Tháng 5/2023
3	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023
4	Hướng dẫn, hỗ trợ huyện Yên Bình hoàn thiện thủ tục hồ sơ bảo đảm theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 10/2023
XI	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình thực hiện chỉ tiêu hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện; xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung; chỉ tiêu điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường.	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Huyện Yên Bình	Tháng 9/2023
2	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023

TT	Nội dung/đơn vị chủ trì	Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách	Đơn vị phối hợp/ thẩm định tiêu chí	Thời gian dự kiến hoàn thành
XII	CÔNG AN TỈNH			
1	Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 9.4 Quốc phòng và An ninh để bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện về việc xét tặng danh hiệu Đơn vị tiên tiến trong năm	Đồng chí Trần Huy Tuấn - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Huyện Yên Bình	Tháng 4/2023
2	Thẩm định, thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách theo quy định		Các sở, ban, ngành	
XIII	ĐỀ NGHỊ ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH			
1	Tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Huyện Yên Bình	Tháng 9/2023
2	Tham gia giám sát, phản biện việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tích cực vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hằng hái tham gia thực hiện Chương trình		Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
XIV	CÁC SỞ, BAN NGÀNH CÓ LIÊN QUAN			
1	Chủ động rà soát, đánh giá, xây dựng giải pháp thực hiện các tiêu chí được giao phụ trách; phối hợp với huyện Yên Bình thực hiện tốt các tiêu chí nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong năm 2023; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Tháng 9/2023

STT	Tên xã	Tiêu chí chưa đạt		Nội dung chỉ tiêu chưa đạt	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị phối hợp hướng dẫn	Dự kiến thời gian hoàn thành
		Tổng số	Tên tiêu chí					
1	Huyện Yên Bình	7	TC: 1, 2, 4 5, 7, 8, 9	Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	Còn 02 chỉ tiêu: (1) Chỉ tiêu 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; (2) Chỉ tiêu 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự. Đối với nội dung này, huyện sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn năm 2023; tăng cường nắm chắc tình hình, chủ động xử lý kịp thời các tình huống phát sinh có nguy cơ mất an ninh, trật tự; đồng thời đẩy mạnh, thực hiện quyết liệt công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên theo quy định.	UBND huyện	Các đơn vị có liên quan	T9/2023